TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2019/HSPT
Ngày 12-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Xuân Điền.**

Ông **Võ Ngọc Thông.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Ngày 12-11-2019, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 274/2019/TLPT-HS ngày 31-7-2019 đối với bị cáo **Bùi Văn T** và các bị cáo khác, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 21-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT: Thôn 15, xã H3, huyện Th, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 08, đường D, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Bùi Văn V và bà Hoàng Thị Ng; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-10-2018; đến ngày 01-7-2019, chấp hành xong hình phạt 09 (chín) tháng tù theo quyết định của bản án sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Trung H, sinh năm 1988 tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT: Số 17B/186, đường H4, phường A, quận L1, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 254, H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Đình Th1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H5; vợ là Phạm Thị Thu H6 và có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 352/2012/HSST ngày 21-10-2012, Tòa án nhân dân huyện T4, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 04-7-2018).

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2005/HSST ngày 01-02-2005, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản". Ngày 31-01-2007, chấp hành xong hình phạt tù và đến ngày 03-12-2007, chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02-10-2018; đến ngày 01-7-2019, chấp hành xong hình phạt 09 (chín) tháng tù theo quyết định của bản án sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Huy T1, sinh năm 1992 tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT: Thôn Tr1, xã L2, huyện Th, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 08, đường D, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn H7 và bà Nguyễn Thị L3; vợ là Trần Thị D1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17-01-2019; đến ngày 17-9-2019, chấp hành xong hình phạt 08 (tám) tháng tù theo quyết định của bản án sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Nhân M; sinh năm 1992 tại thành phố Hải Phòng; nơi ĐKHKTT: Đội 6, xã M, huyện Th, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 08, đường D, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Nhân H8 và bà Đàm Thị L4; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02-10-2018; đến ngày 21-6-2019, chấp hành xong hình phạt 07 (bảy) tháng tù theo quyết định của bản án sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Văn C, sinh năm 1991 tại Hải Phòng; nơi ĐKHKTT: Thôn 13, xã H3, huyện Th, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 254, H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hoàng Văn C1 và bà Bùi Thị M1; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02-10-2018; đến ngày 21-6--2019, chấp hành xong hình phạt 07 (bảy) tháng tù theo quyết định của bản án sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng nghị:*

+ Người bị hại:

1. Ông **Y**, sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: Buôn Tr2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bà **H**, sinh năm 1946; địa chỉ cư trú: Buôn Tr2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Anh **Y1**, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Buôn Tr2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Bùi Văn V**, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Thôn 15, xã H3, huyện Th, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5-2017, Bùi Văn T, cùng một số đối tượng vào thuê nhà tại số 08, đường D, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và tại số 254, đường H2, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để hoạt động cho vay tiền.

Ngày 04-9-2018, ông Y và vợ là bà H có nhờ bà Nguyễn Thị L hỏi giùm chỗ vay tiền và được bà L dẫn đến gặp Bùi Văn T. T đồng ý cho vợ chồng ông Y vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Sáng ngày 05-9-2018, T cùng ông Y và bà H thỏa thuận với nhau cứ 20 ngày đóng lãi một lần vào ngày đầu tiên của chu kỳ. Sau khi thỏa thuận, T chỉ đưa cho vợ chồng ông Y 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), còn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) T trừ luôn tiền lãi 20 ngày đầu tiên.

Đến ngày 25-9-2018, do hết hạn vay 20 ngày đầu, nên T yêu cầu vợ chồng ông Y tiếp tục đóng 20.000.000 đồng tiền lãi cho 20 ngày tiếp theo. Do không có đủ tiền nên vợ chồng ông Y chỉ đưa cho bà L 5.000.000 đồng để đóng cho T. Ngày 27-9-2018, vợ chồng ông Y tiếp tục đưa thêm 3.000.000 đồng cho bà L để đóng tiền lãi cho T, nhưng T yêu cầu vợ chồng ông Y phải đóng đủ số tiền lãi là 20.000.000 đồng theo thỏa thuận.

Sáng ngày 30-9-2018, do không thấy vợ chồng ông Y đến đóng tiền lãi, T nói Lê Huy T1 lái xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển kiểm soát 15A-387.86 chở theo Lê Trung H, Hoàng Văn C và Vũ Nhân M đến nhà ông Y để lấy tiền lãi. Đến nơi, T1 cùng đồng bọn yêu cầu vợ chồng ông Y trả tiền lãi, vợ chồng ông Y nói chưa có tiền. T1 gọi điện báo cho T biết, T nói T1 đi xem nhà Ông Y có tài sản gì khác bán để trả tiền. T1 thấy gia đình ông Y có 01 xe máy cày, nên yêu cầu vợ chồng Ông Y bán để trả tiền lãi. Ông Y đi gọi người đến để bán xe máy cày, nhưng do họ trả giá thấp, vợ chồng ông Y không bán. T1 báo lại cho T biết, thì T gọi điện cho H để hỏi tình hình, H nói vợ chồng ông Y không có tiền trả. T hỏi H xem trong nhà vợ chồng ông Y có tài sản gì nữa không, H nói có một xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, T yêu cầu H cùng đồng bọn lấy chiếc xe mô tô.

Lê Trung H nói lại cho đồng bọn nghe. Sau đó, H, T1, C và M yêu cầu vợ chồng ông Y phải giao xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 47H1 -298.22 để đưa về cho T, nhưng vợ chồng ông Y không đồng ý và nói chiếc xe mô tô không phải của vợ chồng ông, bà mà là xe của con rể là Y1. Nghe vậy, H cùng đồng bọn liền quát nạt, chửi bới to tiếng và tỏ thái độ hung dữ để gây áp lực, đồng thời H cầm tay ông Y nói nếu không giao xe thì sẽ đưa lên xe ô tô chở về thành phố B nhằm ép buộc vợ chồng ông Y giao xe. Do đó, vợ chồng ông Y buộc phải để cho H cùng đồng bọn lấy xe mô tô. Sau khi bà H đưa chìa khoá xe, M điều khiển xe mô tô này chạy về giao cho T. H ở lại tự viết một giấy bán xe mô tô trên cho T với giá 30.000.000 đồng và buộc vợ chồng ông Y ký vào. Lúc này, anh Y2 (là hàng xóm của vợ chồng ông Y) nghe ồn ào nên đến xem. Do không biết chữ, ông Y nhờ anh Y2 đọc lại nội dung giấy do H viết.

Thấy nội dung viết không đúng, vợ chồng ông Y không đồng ý để H và đồng bọn lấy xe đi. H gọi điện cho M điều khiển xe mô tô quay lại rồi xé bỏ tờ giấy bán xe và nói viết lại giấy khác. Do không biết viết nên vợ chồng ông Y nhờ anh Y2 viết dùm, thì H nói anh Y2 viết lại giấy giao xe theo nội dung mà H đọc rồi đưa cho vợ chồng Ông Y ký vào, M điều khiển xe mô tô đi về. Sau đó, vợ chồng ông Y làm đơn tố cáo việc T cùng đồng bọn cưỡng đoạt tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐĐG ngày 08-01-2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 47H1-298.22 có giá 28.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 21-6-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Lê Trung H, Lê Huy T1, Vũ Nhân M và Hoàng Văn C phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bùi Văn T** 09 **(chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-10-2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Lê Trung H** 09 **(chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-10-2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Lê Huy T1** 08 **(tám)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17-01-2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Hoàng Văn C** 07 **(bảy)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-10-2018. Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho Hoàng Văn C tại phiên tòa (nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác).

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Vũ Nhân M** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-10-2018. Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Vũ Nhân M tại phiên tòa (nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐ-VC2 ngày 16-7-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, theo hướng dụng khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo, với các lý do:

+ Tại thời điểm phạm tội, bị hại là ông Y và bà H (cùng sinh năm 1946) đã hơn 70 tuổi; theo quy định tại tiểu mục 2.4 mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì các bị hại là người già yếu và phải xét xử các bị cáo với tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Lê Trung H phạm

tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phải xét xử bị cáo H thêm tình tiết định khung hình phạt theo điểm e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

+ Tài sản chiếm đoạt có giá trị 28.000.000 đồng thì không thể xem là chưa gây thiệt hại và gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và hoạt động cho vay của các bị cáo là hoạt động cho vay nặng lãi, tín dụng đen, mang tính băng nhóm đang gây bức xúc cho dư luận xã hội, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng là nhẹ, không đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐ-VC2 ngày 16-7-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Sửa bản án sơ thẩm, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, áp dụng thêm điểm e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự đối với Lê Trung H; đồng thời, tăng hình phạt đối với các bị cáo.

- Các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì và đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ngày 05-9-2018, ông Y cùng vợ là bà H vay của Bùi Văn T 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Đến ngày 30-09-2018, do vợ chồng ông Y không trả tiền lãi là 20.000.000 đồng theo thoả thuận. Do đó, Bùi Văn T chỉ đạo Lê Huy T1, Lê Trung H, Vũ Nhân M và Hoàng Văn C đến nhà ông Y để buộc bị hại trả tiền. Do bị hại không có tiền trả, Bùi Văn T đã chỉ đạo H, T1, M và C chiếm đoạt xe mô tô để trừ nợ. H cùng đồng bọn liền quát nạt, chửi bới to tiếng và tỏ thái độ hung dữ để gây áp lực nhằm ép buộc vợ chồng ông Y giao xe. Do sợ hãi, vợ chồng ông Y buộc phải để cho H cùng đồng bọn lấy xe mô tô và ký tên vào giấy giao xe theo nội dung mà H đọc cho anh Y2 ghi.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết án Bùi Văn T, Lê Trung H, Lê Huy T1, Hoàng Văn C và Vũ Nhân M, về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là có căn cứ. Tuy nhiên, xác định Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khung hình phạt không đúng, nên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị phúc thẩm theo hướng áp dụng tình tiết định khung tăng nặng đối với các bị cáo. Kháng nghị của Viện trưởng Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là trong trong thời hạn được quy định tại

khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; do đó, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐ-VC2 ngày 16-7-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

[2.1]. Về áp dụng tình tiết định khung hình phạt:

- Về tình tiết "Phạm tội đối với người già yếu":

Kháng nghị cho rằng tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản, thì ông Y và bà H (cùng sinh năm 1946) đã hơn 70 tuổi, do đó theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.4 mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì các bị cáo phải bị xét xử theo điểm c "Phạm tội đối với người già yếu" khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, tiểu mục 2.4 mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chỉ xác định: *"2. Về tình tiết "phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, **người già**" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.*

2.4. "Người già" được xác định là người từ 70 tuổi trở lên".

Như vậy, Nghị quyết nêu trên hướng dẫn tình tiết: *"Phạm tội đối với **người già**"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; không hướng dẫn về tình tiết: *"Phạm tội đối với người **già yếu**"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như kháng nghị đã viện dẫn; đồng thời, đến thời điểm hiện nay, khái niệm *"Người già yếu"* quy định tại các điều luật của Bộ luật Hình sự năm 2015 vẫn chưa có hướng dẫn. Do đó, để thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

- Về việc áp dụng tình tiết: "Tái phạm nguy hiểm" đối với Lê Trung H:

Trước khi phạm tội lần này thì Lê Trung H đã bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, đây là tội phạm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nhưng lần phạm tội này, các bị cáo bị xét xử khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là tội phạm thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tại điểm a khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định. *"Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm: a) Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặt biệt nghiêm trọng do cố ý".* Lê Trung H đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, nhưng lần phạm tội này, bị cáo bị xét xử về tội phạm nghiêm trọng. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì Lê Trung H không thuộc trường hợp: *"Tái phạm nguy hiểm";* do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm"* theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về yêu cầu áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 đối với các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Về tình tiết "Chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn":

Kháng nghị cho rằng tài sản chiếm đoạt là chiếc xe mô tô, hiệu Honda AirBlade, có giá trị 28.000.000 đồng thì không thể xem là: *"Chưa gây thiệt hại và gây thiệt hại không lớn"* được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Bùi Văn T, Lê Huy T1, Lê Trung H, Hoàng Văn C và Vũ Nhân M đều biết vợ chồng bị hại không có khả năng trả nợ và chiếc xe mô tô không phải là của vợ chồng bị hại, nhưng để thu hồi nợ, các bị cáo đã uy hiếp tinh thần của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, các bị cáo đã giao trả lại cho chủ sở hữu, như vậy hậu quả vật chất đã được khắc phục. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ: *"Gây thiệt hại không lớn"* được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo là áp dụng đúng pháp luật.

Mặc dù, hậu quả vật chất đã được khắc phục, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là uy hiếp tinh thần của bị hại, làm cho bị hại lo sợ mà phải giao tài sản nên không thể xem là trường hợp: *"Chưa gây thiệt hại"* như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: *"Chưa gây thiệt hại"*, mà chỉ áp dụng tình tiết *"Gây thiệt hại không lớn"* đối với các bị cáo.

- Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

Khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, ông Y và bà H (cùng sinh năm 1946) đã hơn 70 tuổi, nhưng khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: *"Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên"* theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là thiếu sót. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng tình tiết này đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, Bùi Văn T là người chủ mưu, khởi xướng; mặc dù, bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nhưng là người chỉ đạo Lê Huy T1 sử dụng xe ô tô chở Lê Trung H, Hoàng Văn C và Vũ Nhân M đến nhà ông Y đòi nợ. Sau khi biết ông Y không có tiền trả nợ, chiếc xe mô tô không phải của bị hại, nhưng bị cáo vẫn chỉ đạo các bị cáo khác phải lấy xe mô tô để khấu trừ, do đó bị cáo giữ vai trò chính. Đối với Lê Trung H, sau khi được T chỉ đạo, H rất tích cực thực hiện tội phạm, khi ông Y không chịu giao xe mô tô, bị cáo dọa nạt nhằm ép buộc bị hại, nên bị cáo giữ vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực; ngoài ra, nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án về tội "Cố ý gây thương tích", chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội mới, do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải ngang bằng Bùi Văn T. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm quá chú trọng vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với Bùi Văn T và Lê Trung H là chưa đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án. Các bị cáo Lê Huy T1, Hoàng Văn C và Vũ Nhân M đều là

người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể; đồng thời, các bị cáo này có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo Vũ Nhân M có công với cách mạng; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Lê Huy T1 08 (tám) tháng tù, Hoàng Văn C và Vũ Nhân M cùng 07 (bảy) tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo là để phục vụ hoạt động cho vay lãi, đây là hình thức tín dụng đen, mang tính băng nhóm mà hiện nay dư luận xã hội đang lên án; hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây nhiều dư luận xấu trong nhân dân và làm mất trật tự trị an địa phương. Để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị, tăng hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn T và Lê Trung H. Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí: Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị, nên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Bùi Văn T và Lê Trung H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 28/QĐ-VKS-P1 ngày 16-7-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HSST ngày 21-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn T và Lê Trung H.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Bùi Văn T và Lê Trung H; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Lê Trung H, xử phạt:

- **Bùi Văn T** 12 **(mười hai)** tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 02-10-2018 đến ngày 01-7-2019).

- **Lê Trung H** 12 **(mười hai)** tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 02-10-2018 đến ngày 01-7-2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

- **Lê Huy T1** 08 **(tám)** tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 17-01-2019 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

- **Vũ Nhân M** 07 **(bảy)** tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 02-10-2018 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

- **Hoàng Văn C** 07 **(bảy)** tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 02-10-2018 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo, bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường